

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU T
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DSST

Ngày: 13/02/2020

“V/v tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU T, TỈNH ĐỒNG THÁP**

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Ông Lê Anh Việt

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2019/TLST- DS, ngày 16 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp An H, xã An K, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp An H, xã An K, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Năm 2012 ông Lê Văn M và vợ là bà Trần Thị T1 có tham gia hui do bà làm chủ, vợ chồng ông M đã hót hết các phần hui đã tham gia và nợ tiền hui chết chưa đóng là 126.000.000đồng. Bà đã khởi kiện ông M đến Ủy ban Nhân dân xã An K, huyện Châu T để hòa giải nhưng UBND xã chưa H giải thì ông M xin ly hôn với bà T1. Khi giải quyết ly hôn Tòa án huyện Châu T có mời bà đến để làm việc, tại Tòa án ông M xác nhận có nợ bà 126.000.000 đồng tiền hui và tự thỏa thuận với bà mỗi tháng trả 3.000.000 đồng nên bà không tranh chấp tiền hui với vợ chồng ông M trong vụ án ly hôn. Sau khi thỏa thuận ông M có trả cho bà được 46.000.000 đồng, còn nợ lại 80.000.000 đồng từ đầu năm 2018 đến nay chưa trả.

Nay bà yêu cầu ông M phải trả cho bà 80.000.000 đồng tiền hui, bà không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu bà Trần Thị T1 liên đới trả nợ. Việc ông M xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý cho ông M trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ trên.

Bị đơn ông Lê Văn M trình bày:

Vợ của ông là bà Trần Thị T1 có tham gia hụi do bà Lê Thị Th làm chủ hụi. Những phần hụi tham gia bà T1 đã hốt xong và bà Th có kêu ông đến nhà bà Th để nhận tiền hụi, nhận bao nhiêu tiền thì ông không nhớ, tiền hụi hốt được bà T1 sử dụng vào việc xây nhà để vợ chồng cùng ở. Sau khi hốt hụi, bà Th có đến nhà ông để gom hụi chết và ông có đóng hụi chết cho bà Th. Khoảng năm 2016 thì ông và bà T1 ly hôn, khi ly hôn bà T1 giao căn nhà cho ông ở nên ông với bà T1 thỏa thuận: ông có nghĩa vụ trả tiền hụi chết cho bà Th, khi đó bà Th tính toán tiền hụi bà T1 còn nợ là 126.000.000 đồng và ông đồng ý trả số tiền hụi này cho bà Th. Sau ngày lập Tờ thỏa thuận thì con của ông có gửi tiền về trả cho bà Th được 46.000.000 đồng, còn nợ lại 80.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay ông đồng ý trả cho bà Th 80.000.000 đồng tiền hụi nhưng xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, vì hiện nay ông đã lớn tuổi không còn khả năng lao động. Ông không yêu cầu bà T1 liên đới trả nợ cùng ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Th, buộc ông Lê Văn M trả cho bà Th 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 80.000.000 đồng tiền hụi. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết là “Tranh chấp hụi”.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn ông Lê Văn M thường trú tại ấp An Hòa, xã An K, huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt đương sự: bị đơn ông Lê Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào năm 2012 bà Trần Thị T1 là vợ của ông Lê Văn M có tham gia hụi của bà Lê Thị Th, sau khi tham gia bà T1 đã hốt hết các phần hụi sử dụng vào việc xây dựng nhà và nợ lại tiền hụi chết chưa đóng là 126.000.000 đồng. Năm 2017 ông M và bà T1 ly hôn, khi ly hôn do bà T1 không tranh chấp tài sản chung nên ông M đồng ý trả số tiền hụi còn nợ cho bà Th. Ngày 04/7/2017 ông M, bà Th và ông Nguyễn Văn Bé Tư (chồng bà Th) lập Tờ thỏa thuận ghi nhận số nợ ông M phải trả cho vợ chồng bà Th là 126.000.000 đồng. Sau khi lập Tờ thỏa thuận thì ông M có trả cho bà Th được 46.000.000 đồng, còn nợ 80.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn Bé Tư (chồng bà Th) thì số tiền 80.000.000đ ông M nợ là tài sản chung của vợ chồng ông, tuy nhiên ông Bé Tư thống nhất để bà Th đứng ra khởi kiện và ông xin từ chối tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không đưa ông Bé Tư vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Căn cứ vào Tờ thỏa thuận nợ xác lập ngày 04 tháng 7 năm 2017 và việc thừa nhận nợ của ông Lê Văn M tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 12 năm 2019. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Th khởi kiện yêu cầu ông M có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền 80.000.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận, do bà Th không yêu cầu ông M trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc ông M xin được trả dần tiền hụi cho bà Th mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, yêu cầu của ông M không được bà Th chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ban hành ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th.
2. Buộc ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Th 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Ông Lê Văn M phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu T;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. Châu T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thiêm

